TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HS-ST
Ngày: 19 -01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tiêu Kim Thuận.

Bà Đỗ Thị A.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Ông Phan Trần Vĩnh Phúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 93/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93.1/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/HSST-QĐ ngày 12/01/2021 đối với các bị cáo:

1/Trần Thị Kim Y; sinh năm: 1991 tại tỉnh Bình Thuận; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Thủ kho; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T (chết) và bà: Nguyễn Thị Khắc T; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giam ngày: 25/6/2020.

2/Nguyễn Thị K; sinh năm: 1993 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Nhân viên kho; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H và bà: Võ Thị H; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giam ngày: 25/6/2020.

(Các bị cáo có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Kim Y:*

1/ Ông Lê Văn N – Luật sư của Công ty Luật Hợp danh Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Đỗ Thị H – Luật sư của Công ty Luật Hợp danh Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị hại:*

Công ty TNHH DICI A

Địa chỉ: X đường C, Phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp:

Ông Lê Văn Chiến – Sinh năm: 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Y đường L, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Là người đại diện hợp pháp theo Giấy ủy quyền ngày 14/7/2020 của Công ty TNHH DICI A)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/Công ty TNHH KVIC P (vắng mặt).

Địa chỉ: Z đường N, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/Bà Huỳnh Ngọc N – Sinh năm: 1997 (có mặt)

Địa chỉ: D đường T (số cũ V HT42), phường H, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh Ngọc N:*

Ông Phan Mậu N – Luật sư của Công ty TNHH MTV T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 02 đến tháng 3/2020, Trần Thị Kim Y làm nhân viên quản lý kho hàng (nhiệm vụ, quyền hạn là thủ kho có trách nhiệm quản lý hàng trong kho và nhập hàng vào máy vi tính của Công ty từ file phiếu lưu tạm của nhân viên kho đã nhập) và Nguyễn Thị K làm nhân viên quản lý kho (phụ giúp Y nhận hàng và kiểm kê hàng tại kho) tại Công ty TNHH DICI A (trụ sở chính tại số X đường C, Phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; còn kho hàng ở tại số T đường C, Phường B, Quận M , Thành phố Hồ Chí Minh). Trong quá trình làm việc, lợi

dụng sự tin tưởng và quản lý lỏng lẻo của công ty, Y và K bàn bạc, thống nhất sau khi đặt hàng và nhận được hàng hóa mỹ phẩm từ nhà cung cấp là Công ty TNHH KVIC P, Y và K không nhập hoặc nhập số lượng hàng hóa đưa vào kho trên phần mềm Kiotviet thấp hơn số lượng hàng hóa thực tế nhận được, mục đích để số hàng hóa ngoài sổ sách (phần mềm Kiotviet), ngoài sự quản lý của công ty. Y và K thực hiện 09 lần đối với một số hàng hóa trong 09 hóa đơn vào các ngày khác nhau, giá trị hàng hóa chiếm đoạt của từng hóa đơn từ 27.000.000 đồng đến hơn 100.000.000 đồng) với tổng cộng 17 mã sản phẩm hàng hóa mỹ phẩm (miếng đắp mặt nạ, tẩy tế bào chết, son môi, kem dưỡng, kem chống nắng…) của Công ty TNHH DICI A. Số hàng đã chiếm đoạt Y và K vẫn để tại kho hàng; sau đó, Y và K lấy số hàng hóa mỹ phẩm này rao bán qua tài khoản Zalo. Đến cuối tháng 5/2020, khi có khách đặt mua một số mã sản phẩm qua điện thoại thì Y và K thuê xe chở hàng ra khỏi kho và giao cho khách tại trước nhà số O đường B, Phường H, quận T, thu được 180.000.000 đồng, chia đều mỗi người hưởng lợi 90.000.000 đồng. Đến ngày 19/6/2020, Công ty TNHH DICI A phát hiện hàng hóa công ty bị Y và K chiếm đoạt, nên đến Công an Phường 13, Quận 10 trình báo. Vụ việc được Công an Phường 13, Quận 10 lập hồ sơ ban đầu; sau đó chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Tài sản bị chiếm đoạt là: 17 mã sản phẩm hàng hóa mỹ phẩm (miếng đắp mặt nạ, tẩy tế bào chết, son môi, kem dưỡng, kem chống nắng…), không thu hồi được; tại Kết luận định giá tài sản số 706/KL-HĐĐGTS ngày 17/9/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 10 kết luận: Tổng giá trị tài sản nêu trên có giá 278.900.000 đồng.

Quá trình điều tra, Y và K khai nhận hành vi phạm tội như trên. Y có nhờ người nhà lấy số tiền 90.000.000 đồng mà Y cất ở trong tủ nhà trọ mang lên giao nộp cho Cơ quan điều tra tạm giữ để khắc phục hậu quả và tác động gia đình nộp thêm các khoản tiền được tổng cộng 182.500.000 đồng cho Cơ quan điều tra tạm giữ. Về phía K khai đã sử dụng 90.000.000 đồng được chia để mua hàng và trả lại vào trong kho của Công ty vì quá trình làm việc đã để hao hụt hàng hóa (mất, giao nhầm…) nhưng không có tài liệu chứng minh.

Kết quả kiểm đếm thực tế số lượng hàng hóa, mỹ phẩm trong kho hàng, phát hiện có 07 mã sản phẩm hàng hóa mỹ phẩm (nằm trong số 17 mã sản phẩm bị Y và K chiếm đoạt) còn tồn trong kho nhưng không nằm trong sổ sách, đã trả lại cho Công ty TNHH DICI A; tại Kết luận định giá tài sản số 704/KL-HĐĐGTS ngày 17/9/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 10 kết luận: Tổng giá trị tài sản nêu trên có giá 6.575.500 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã quyết định khởi tố điều tra, bắt tạm giam đối với Trần Thị Kim Y, Nguyễn Thị K về hành vi "tham ô tài sản".

Đối với Huỳnh Ngọc N là nhân viên kho, có trách nhiệm nhận hàng, kiểm kê hàng và nhập vào phiếu lưu tạm đầy đủ số lượng hàng hóa đã nhận, từ đó Y sẽ nhập lại số lượng hàng hóa vào hệ thống máy vi tính của Công ty; việc Y và K bàn bạc việc chiếm đoạt hàng hóa của Công ty thì Như không biết; do vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 không xem xét trách nhiệm của Như trong vụ án này.

Ngoài ra, cơ quan Công an còn tạm giữ: 01 điện thoại di động hiệu Samsung S7, màu đen, số IMEI 1: 357224070436121; số IMEI 2: 357225070436128; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu vàng, số IMEI: 356554085370100; qua điều tra là phương tiện mà Y và K liên lạc với nhau, với người mua hàng, phục vụ cho việc chiếm đoạt tại sản và tiêu thụ tài sản chiếm đoạt được.

Tại Cáo trạng số 95/CT-VKS ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Trần Thị Kim Y, Nguyễn Thị K về tội: "Tham ô tài sản" theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án; về phía bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vẫn giữ nguyên lời khai và yêu cầu của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã tác động gia đình nộp tiền để khắc phục toàn bộ thiệt hại đã xảy ra đối với bị hại, bản thân gia đình các bị cáo đều thuộc diện hộ nghèo tại địa phương); đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo:

Trần Thị Kim Y từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Nguyễn Thị K từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đề nghị xử lý trách nhiệm và các biện pháp tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của bị cáo K: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo chiếm đoạt tài sản để bán lấy tiền mua hàng bù đắp lại những hàng hóa đã bị hao hụt tại kho hàng.

- Ý kiến của người bào chữa: Thống nhất về việc truy tố và xét xử các bị cáo về tội danh cũng như khung hình phạt như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 đã nêu; ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo như: Thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, các bị cáo đã tác động gia đình nộp lại tiền để khắc phục toàn bộ thiệt hại đối với bị hại, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo; ngoài cũng cần phải kể đến nguyên nhân, động cơ phạm tội của bị cáo là quản lý lỏng lẻo dẫn đến hàng trong kho thiếu hụt, bản thân bị cáo lo sợ phải đền số tiền lớn, nên đã lấy tài sản, bán lấy tiền để nhằm mua hàng hoá bù đắp lại số hàng đã mất trong kho hàng của Công ty; do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353, điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét khoan hồng, xử các bị cáo mức án thích hợp và thấp nhất trong mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10.

- Ý kiến của bị cáo Y: Bị cáo không có ý kiến gì bổ sung cho lời bào chữa của Luật sư.

- Ý kiến bị hại: Không có ý kiến tranh luận gì, chỉ nhận lại số tiền mà các bị cáo khắc phục là 272.500.000 đồng và không có yêu cầu gì.

- Ý kiến của Luật sư thực hiện việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Huỳnh Ngọc N: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, có cơ sở xác định bà Huỳnh Ngọc N mặc dù là nhân viên kho, phụ giúp công việc theo sự phân công của bị cáo Y, nhưng bà N không biết Y và K bàn bạc việc chiếm đoạt hàng hóa của Công ty; do vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 không xem xét trách nhiệm của bà N là đúng và không có ý kiến gì.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Không có ý kiến gì bổ sung gì cho lời trình bày của luật sư.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do các bị can, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình; qua lời khai nhận của các bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng, tài liệu xuất nhập kho, bản kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Các bị cáo Trần Thị Kim Y, Nguyễn Thị K đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình (thủ kho, nhân viên kho, trực tiếp quản lý hàng hóa tại kho hàng) thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại là Công ty TNHH DICI A và tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 278.900.000 đồng, đồng thời các bị cáo thực hiện hành vi trên từ 02 lần trở lên (mỗi lần đều cấu thành tội phạm); nên các bị cáo bị truy tố và xét xử về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức mà còn xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của tổ chức

do người có chức vụ, quyền hạn nhất định thực hiện. Trong vụ án này gồm hai bị cáo thực hiện hành vi đồng phạm thông mưu giản đơn, lợi dụng quyền hạn, nhiệm vụ của mình để chiếm đoạt tài sản do mình trực tiếp quản lý, trong đó: Bị cáo Y là người khởi xướng và có quyền hạn cao nhất tại kho hàng, bị cáo K là đồng phạm giúp sức tích cực, cùng hưởng lợi từ việc chiếm đoạt tài sản. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình tự nguyện nộp lại, khắc phục thêm để bồi hoàn toàn bộ thiệt hại cho phía bị hại, mặt khác gia đình các bị cáo đều có những hoàn cảnh khó khăn nhất định (gia đình các bị cáo đều thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại địa phương); do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo; đồng thời xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ (trong đó đã khắc phục lại toàn bộ tài sản cho bị hại mà các bị cáo đã chiếm đoạt) quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với trường hợp của các bị cáo, ngoài ra miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo do mới bị kết án lần đầu.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Thiệt hại trong vụ án này là 17 mã sản phẩm hàng hóa mỹ phẩm (miếng đắp mặt nạ, tẩy tế bào chết, son môi, kem dưỡng, kem chống nắng…) có giá trị là 278.900.000 đồng, trong đó có 07 mã sản phẩm hàng hóa mỹ phẩm (nằm trong số 17 mã sản phẩm bị Y và K chiếm đoạt) còn tồn trong kho nhưng không nằm trong sổ sách, đã trả lại cho Công ty TNHH DICI A có giá trị là 6.575.500 đồng; nhưng trách nhiệm dân sự còn lại trong vụ án này đối với các bị cáo là: 278.900.000 đồng - 6.575.500 đồng = 272.324.500 đồng, phía gia đình các bị

cáo đã tự nguyện nộp lại: 182.500.000 đồng + 90.000.000 đồng = 272.500.000 đồng (mỗi bị cáo chịu 136.250.000 đồng), để khắc phục và bàn giao lại cho bị hại là Công ty TNHH DICI A; do vậy Hội đồng xét xử, căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), trả lại cho Công ty TNHH DICI A số tiền 272.500.000 đồng.

Đối với khoản tiền 100.000.000 đồng mà phía bị cáo Nguyễn Thị K tự nguyện giao nộp dưới sự tác động của bị cáo K để đảm bảo việc cùng chịu trách nhiệm liên đới với bị cáo Trần Thị Kim Y bồi thường, khắc phục hậu quả thiệt hại xảy ra trong vụ án và Tòa án nhân dân dân Quận 10 đã ban hành Quyết định kê biên số 01/2021/QĐ-HSST ngày 05/01/2021, phía bị cáo K đã nộp số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 theo Biên lai thu tiền số AB/2011/06058 ngày 05/01/2021; gia đình bị cáo K đã giao trực tiếp thêm cho gia đình bị cáo Y (có bà Nguyễn Thị Khắc T nhận) số tiền 36.250.000 đồng; do vậy, căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), trả lại 100.000.000 đồng cho phía bị cáo Y có bà Nguyễn Thị Khắc T (đại diện gia đình của bị cáo theo yêu cầu của bị cáo Y) nhận là bên đã tự nguyện ứng khoản tiền khắc phục toàn bộ thiệt hại vụ án, là người quản lý hợp pháp khoản tiền trên; phía bị cáo Y không còn yêu cầu gì.

Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Samsung S7 (màu đen, số IMEI 1: 357224070436121; số IMEI 2: 357225070436128), 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 (màu vàng, số Imei: 356554085370100); là phương tiện dùng vào việc thực hiện tội phạm; vậy căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Kim Y, Nguyễn Thị K phạm tội "Tham ô tài sản".

- Căn cứ vào điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Thị Kim Y;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim Y 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2020.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Y.

- Căn cứ vào điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị K;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2020.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo K.

- Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), trả lại: Công ty TNHH DICI A số tiền 272.500.000 (Hai trăm bảy mươi hai triệu năm trăm ngàn) đồng.

- Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), trả lại: Bà Nguyễn Thị Khắc T số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng (biên lai thu tiền số AB/2011/06058 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 theo Quyết định kê biên số 01/2021/QĐ-HSST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân Quận 10).

- Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Samsung S7 (màu đen, số IMEI 1: 357224070436121; số IMEI 2: 357225070436128), 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 (màu vàng, số Imei: 356554085370100).

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/10/2020 giữa Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc: Mỗi bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.10; (4)
- Công an Q.10; (2)
- Chi cục THADS Q.10; (1)
- Người tham gia tố tụng; (7)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (5)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Triệu Luật